

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15/9/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YL, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Đức

Ông Hà Văn Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Kiều Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979.

Bị đơn: Chị Phan Thị Thanh H1, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Khu A, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

(Anh H vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Chị H1 vắng mặt lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Anh Nguyễn Văn H là nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2021, bản tự khai ngày 04/8/2021 và ý kiến tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18/8/2021 như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị Thanh H1 tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 05/01/2010. Thời gian đầu kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có sự đồng cảm. Năm 2011 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H1.

1.2. *Về con chung*: Anh xác định vợ chồng không có.

1.3. *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh xác định không có.

2. *Chị Phan Thị Thanh H1 là bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án* đã được Tòa án cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông qua bà Phạm Thị Vân (bà Vân là mẹ đẻ chị H1) theo quy định của pháp luật gồm các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo; Kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Bà Vân đã nhận và cam kết sẽ thông báo cho chị H1 biết, chị H1 đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn giữa anh H và chị H1, nhưng vì lý do công việc nên chị H1 không đến để Tòa án giải quyết vụ án ly hôn được, vợ chồng anh H, chị H1 chung sống với nhau được 01 năm, sau đó đã sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án chị H1 vẫn vắng mặt không có lý do.

3. *Tại biên bản xác minh ngày 16/8/2021 Công an xã Đ cho biết*: Hiện nay chị H1 vẫn có hộ khẩu thường trú tại khu An Lạc, xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Công an xã không tiếp nhận thông tin nào về việc chị Phan Thị Thanh H1 có đăng ký tạm trú ở nơi khác.

4. *Tại biên bản xác minh ngày 10/8/2021 Ủy ban nhân dân xã Đ cho biết*: Vợ chồng anh H, chị H1 chung sống được 01 năm, sau đó đã sống ly thân nhau từ năm 2011 đến nay. Đề nghị căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

5. *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến*:

5.1. *Về thủ tục tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã lập thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo đầy đủ văn bản tố tụng, đúng quy định pháp luật cho phía bị đơn.

5.2. *Về việc giải quyết vụ án*:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình. Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phan Thị Thanh H1.

Về con chung; Tài sản chung, công nợ, công sức: Anh H xác định không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H là hộ nghèo nên không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn”. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YL, tỉnh Phú Thọ.

[2] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ cho chị H1 các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông

báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 175 và 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự vì lý do chị H1 đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt và anh H cũng có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải theo khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay chị Phan Thị Thanh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có quan điểm của bị đơn đối với nguyên đơn. Anh Nguyễn Văn H vắng mặt, tuy nhiên ngày 18/8/2021 anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Phan Thị Thanh H1 và anh Nguyễn Văn H.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Thanh H1 tự nguyện cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện YL, tỉnh Phú Thọ ngày 05/01/2010, đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh Nguyễn Văn H xác định nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không có sự đồng cảm. Năm 2011 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn. Thấy rằng vợ chồng đã sống ly thân nhau trên 10 năm, không quan tâm đến nhau, điều đó chứng minh tình trạng hôn nhân giữa anh H và chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên việc anh H xin ly hôn chị H1 là có căn cứ, đúng thực tế phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh H, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phan Thị Thanh H1.

[4] *Về con chung*: Anh H xác định không có.

[5] *Về tài sản chung, công nợ, công sức*: Anh H xác định không có. [6] *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Nguyễn Văn H là hộ nghèo nên không phải chịu.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a,b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Phan Thị Thanh H1.

Về con chung; Tài sản chung; Công nợ; Công sức: Anh Nguyễn Văn H xác định không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H được miễn nộp tiền án phí. Xác nhận anh H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2020/0004607 ngày 13/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YL, tỉnh Phú Thọ. Anh H được trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ
(vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh